

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

1.1. Cơ sở lý luận :

Như chúng ta ai cũng biết môn Toán là một trong những môn học có vị trí quan trọng ở bậc Tiểu học. Trong những năm gần đây, xu thế chung của ngành giáo dục cũng đang đổi mới về phương pháp dạy học, về cách đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo của học sinh trong quá trình dạy học. Giải toán có lời văn là những bài toán thực tế nội dung bài toán được thông qua những câu văn nói về những mối quan hệ, tương quan và phụ thuộc liên quan đến cuộc sống hằng ngày với các em. Từ đó giúp học sinh những hiểu biết cần thiết khi tiếp xúc với những “ Tình huống toán học” trong cuộc sống hàng ngày.

Môn Toán ở Tiểu học bước đầu hình thành và phát triển năng lực trừu tượng hoá, khái quát hoá, kích thích trí tưởng tượng, gây hứng thú học tập toán, phát triển hợp lý khả năng suy luận và biết diễn đạt đúng bằng lời, bằng viết, các suy luận đơn giản góp phần rèn luyện phương pháp học tập và làm việc khoa học, linh hoạt sáng tạo. Từ vị trí và nhiệm vụ vô cùng quan trọng của môn toán, vấn đề đặt ra cho người thầy là làm thế nào để giờ dạy – học toán có hiệu quả cao, học sinh phát triển tính tích cực, chủ động sáng tạo trong việc chiếm lĩnh kiến thức toán học. Theo tôi, các phương pháp dạy học bao giờ cũng phải xuất phát từ vị trí, mục đích và nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục của bài học môn toán. Nó không phải là cách thức truyền thụ kiến thức, cách giải toán đơn thuần mà là phương tiện tinh vi để tổ chức hoạt động nhận thức tích cực, độc lập và giáo dục phong cách làm việc một cách khoa học, hiệu quả. Hiện nay, giáo dục tiểu học đang thực hiện yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, làm cho hoạt động dạy học trên lớp “nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả”. Để đạt được yêu cầu đó, giáo viên phải có phương pháp và hình thức dạy học để vừa nâng cao hiệu quả cho học sinh, vừa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi tiểu học và trình độ nhận thức của học sinh, để đáp ứng với công cuộc đổi mới của đất nước nói chung và của ngành giáo dục tiểu học nói riêng.

Trong chương trình môn toán tiểu học, giải toán có lời văn giữ một vai trò quan trọng . Thông qua việc giải toán, học sinh tiểu học thấy được nhiều khái niệm trong toán học như các số, các phép tính, các đại lượng, các yếu tố hình học... đều có nguồn gốc trong cuộc sống hiện thực, trong thực tiễn hoạt động của con người, thấy được mối quan hệ biện chứng giữa

các sự kiện, giữa cái đã cho và cái phải tìm. Qua việc giải toán sẽ rèn luyện cho học sinh năng lực tư duy và những đức tính của con người mới, có ý thức vượt khó khăn, đức tính cẩn thận, làm việc có kế hoạch, thói quen xét đoán có căn cứ, thói quen tự kiểm tra kết quả công việc mình làm và độc lập suy nghĩ, óc sáng tạo giúp học sinh vận dụng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời qua việc giải toán của học sinh mà giáo viên có thể dễ dàng phát hiện những ưu điểm, thiếu sót của các em về kiến thức, kỹ năng, tư duy để giúp học sinh phát huy những mặt được và khắc phục những mặt thiếu sót.

Năm học 2023-2024 là năm thứ 3 đánh giá xếp loại học sinh Tiểu học dựa vào thông tư 27 của Bộ GD&ĐT có rất nhiều điểm mới, thông tư không yêu cầu chấm điểm mà chỉ nhận xét và động viên các em. Đây cũng là lý do để giáo viên cần quan tâm tỉ mỉ và thường xuyên hơn với tất cả đối tượng học sinh trong lớp khi học sinh học các môn học trong đó có môn Toán. Năm học 2023-2024 tôi được phân công dạy lớp 2A2 Tôi nhận thấy việc dạy các em giải toán có lời văn trong chương trình toán ở bậc tiểu học nói chung và ở lớp 2A2 nói riêng là hết sức cần thiết, ở lứa tuổi học sinh tiểu học, tư duy của các em còn chưa phát triển về mặt suy luận, phân tích. Giải toán có lời văn là hoạt động bao gồm những thao tác: xác lập được mối quan hệ giữa các dữ liệu, giữa cái đã cho và cái phải tìm, chọn được phép tính thích hợp, trả lời đúng câu hỏi của bài toán. Vì vậy đây là một hoạt động tương đối phức tạp và khó đối với học sinh Tiểu học. Đặc biệt là đối với học sinh lớp 2, tư duy của các em còn nặng về tư duy cụ thể, tư duy ngôn ngữ trừu tượng còn nghèo nàn và non nớt mà các em đã phải tiếp xúc với nhiều loại toán khác nhau. Vì vậy, nếu các em được rèn luyện kỹ năng giải toán có lời văn một cách tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo ngay từ lớp 2 sẽ là bước tạo đà vững chắc để các em giải toán có lời văn ở các lớp tiếp theo được tốt hơn.

Mặt khác qua đợt khảo sát đầu năm học tôi thấy lớp tôi còn hạn chế về kỹ năng giải toán có lời văn. Chính vì những lý do nêu trên tôi đã chọn đề tài ***“Một số biện pháp rèn kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2 theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống”***.

2.2. Cơ sở thực tế

**** Thuận lợi***

- Năm học 2022 -2023 được sự quan tâm của nhà trường lớp tôi được trang bị ti vi to, hiện đại và các đồ dùng cho dạy học toán tương đối đầy đủ.
- Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, đồ dùng học toán.
- Phần lớn học sinh thích học môn Toán.

**** Khó khăn :***

- Môn toán là môn học khô khan, học sinh dễ chán.

- Trình độ nhận thức học sinh không đồng đều.
- Một số học sinh còn chậm, nhút nhát, kĩ năng tóm tắt bài toán còn hạn chế, các em còn lười đọc và tìm hiểu kĩ bài toán dẫn tới thường nhầm lẫn giữa các dạng toán, lựa chọn phép tính còn sai, chưa bám sát vào yêu cầu bài toán để tìm lời giải thích hợp với các phép tính.
- Một số em tiếp thu bài một cách thụ động, ghi nhớ bài còn máy móc nên còn chóng quên các dạng bài toán.
- Từ lớp 1 các em đã được làm quen với việc giải toán có lời văn nhưng chỉ là những bài toán hết sức đơn giản chỉ có 1 bước tính. Lên lớp 2, các em bắt đầu gặp thêm nhiều dạng toán phức tạp hơn, quá trình giải phải thực hiện nhiều bước tính. Do đó các em gặp phải không ít những khó khăn trong việc giải những bài toán này.

2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài :

- Tìm ra các phương pháp hướng dẫn học sinh giải toán. Từ đó các em có kĩ năng giải toán thành thạo, đạt yêu cầu cơ bản về kiến thức và kĩ năng giải toán.
- Đặt cơ sở, nền móng cho việc giải toán ở các lớp trên.
- Rèn luyện sự nhanh trí, óc suy luận, sáng tạo chủ động cho học sinh.
- Giúp các em hiểu, yêu môn học vốn khô khan này và có kĩ năng áp dụng trong thực tế cuộc sống.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Thời gian thực hiện đề tài

Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024

3.2. Đối tượng nghiên cứu

- Nội dung chương trình Toán lớp 2 Kết nối tri thức với cuộc sống.
- Phương pháp dạy giải toán lớp 2.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng khảo sát : Học sinh lớp 2A2
- Phạm vi nghiên cứu : Năm học 2023 – 2024

4. Phương pháp nghiên cứu đề tài :

4.1. Nghiên cứu tài liệu:

- Đọc các tài liệu sách, báo, tạp chí giáo dục... có nội dung liên quan đến đề tài.
- Đọc sách giáo khoa, sách giáo viên Kết nối tri thức với cuộc sống, các loại sách tham khảo như: Toán nâng cao lớp 2, Toán tuổi thơ, Giúp em vui học toán, Phát triển trí thông minh, 400 bài toán dành cho học sinh khá giỏi lớp 2, ...

4.2. Nghiên cứu thực tế:

- Dự giờ, trao đổi ý kiến với đồng nghiệp.
- Mạnh dạn tham gia cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để đồng nghiệp góp ý.
- Tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học.
- Tổ chức và tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm tra tính khả thi của đề tài.

PHẦN II: NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng dạy và học toán ở lớp 2

1.1. Thực trạng chung của giáo viên

Từ thực tế nhiều năm trực tiếp giảng dạy, tôi thấy rằng một số giáo viên chưa vận dụng triệt để các phương pháp dạy giải toán có lời văn như:

- Khi dạy chưa bám sát vào yêu cầu cần đạt, của từng bài.
- Một số giáo viên còn hiểu sai cho rằng dạy giải toán chỉ cần dạy cho học sinh tìm ra đáp số đúng mà quên ý nghĩa bài toán.
- Việc sử dụng đồ dùng còn hạn chế, giáo viên còn dạy “chay” chưa coi phương tiện trực quan là cần thiết trong việc dạy giải toán.
- Phương pháp dạy học chưa đổi mới nên chưa gây hứng thú cho học sinh trong học tập.

1.2. Thực trạng của học sinh lớp 2A2

Năm học 2023 – 2024 tôi được phân công giảng dạy lớp 2A2. Lớp 2A2 do tôi chủ nhiệm và giảng dạy có 31 học sinh. Trong đó :

- Con cán bộ công chức có : 4 em.
- Con gia đình nông nghiệp, buôn bán, nghề tự do : 27 em.
- Nam : 16 em; nữ: 15 em.

Các em sống đa số ở trên địa bàn của xã Chu Minh chủ yếu làm nông nghiệp, bố mẹ đi làm ăn xa nên các em gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập của các em.

- Qua thực tế giảng dạy và thảo luận cùng đồng nghiệp, tôi nhận thấy:
 - + Việc đọc đề, tìm hiểu đề còn nhiều khó khăn đối với học sinh lớp 2 vì kĩ năng đọc ngắt cụm từ để hiểu của các em chưa cao, nên các em đọc được đề toán và hiểu đề còn thụ động, chậm chạp...
 - + Một tiết dạy 35 phút, thời gian học sinh thao tác đồ dùng học tập chậm (bộ thực hành Toán, bảng con, sách, vở...)
 - + Thời gian phân bài tập hầu hết là ở cuối bài nên thời gian để luyện nêu đề, nêu câu trả lời không được nhiều.

1.3. Kết quả của thực trạng ban đầu :

Năm học 2023 - 2024, tôi được phân công dạy và chủ nhiệm lớp 2A2. Việc làm đầu tiên là tôi theo dõi thường xuyên cụ thể kết quả học tập của học sinh trong lớp, theo dõi ngay từ tháng đầu và nhận thấy :

Sĩ số	Trình độ học sinh	Số lượng
31	Có hứng thú với môn Toán, tiếp thu bài nhanh	3
	Có nhiều lỗ hổng về kĩ năng.	8
	Phương pháp học tập chưa tốt.	8
	Năng lực tư duy yếu.	4
	Có thái độ thờ ơ đối với học tập, ngại cố gắng, thiếu tự tin.	8

Qua quá trình theo dõi học sinh thực hiện các dạng bài toán, tôi thấy số lượng học sinh có tư duy chậm về giải toán còn nhiều. Điều này là một khó khăn đối với giáo viên vì so với chương trình Toán 1, chương trình Toán 2 theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống còn mở ra nhiều dạng toán mà yêu cầu về kỹ năng giải toán còn cao hơn.

Vậy phải làm thế nào để khắc phục được tình trạng trên và gây hứng thú cho học sinh khi tiếp thu và thực hành các dạng toán theo chương trình và đặc biệt là phần giải toán có lời văn. Là giáo viên, tôi nhận thấy nên đổi mới cách soạn bài, biết cách hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa và đồ dùng dạy học, biết tổ chức lớp học, tổ chức các hoạt động dạy học kèm theo các trò chơi cho học sinh, gây hứng thú để học sinh tự bổ sung tri thức, tự khẳng định mình, tự khám phá trong quan hệ hợp tác với giáo viên và bạn bè.

Trong quá trình giảng dạy, qua việc tìm hiểu điều tra cho thấy học sinh giải toán vẫn còn một số học sinh gặp khó khăn trong việc nhận dạng bài toán, đặc biệt là tìm lời giải cho bài toán. Nhiều học sinh còn hiểu sai khi giải bài toán về "nhiều hơn một số đơn vị" và "ít hơn một số đơn vị" cứ thấy bài toán có cụm từ "nhiều hơn" thì làm tính cộng và "ít hơn" thì làm tính trừ. Hoặc đặt phép tính sai ý nghĩa của bài toán dạng toán "Tìm tích 2 số"; nhầm lẫn danh số của phép tính ở dạng toán "Chia thành các phần bằng nhau và chia theo nhóm".

Song song với việc tìm hiểu thực trạng về dạy giải toán có lời văn ở nhà trường, tôi đã tiến hành khảo sát thực tế việc giải toán có lời văn ngay trong lớp 2A2 tôi phụ trách để nắm bắt những sai sót của từng học sinh và kết quả như sau.

* Kết quả :

Tên lớp	Sĩ số	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
2A2	31	4	12,9%	11	35,5%	16	51,6%

Tuy học sinh đã có khả năng phân tích đề, xong khả năng thiết lập các sự kiện để xây dựng quy trình, khả năng nêu lời giải đúng, chính xác cho mỗi phép tính và khả năng trình bày bài toán đúng và đẹp còn rất hạn chế dẫn đến kết quả làm bài còn chưa cao.

*** Một số dạng bài tập toán có lời văn ở lớp 2 trong bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống.**

Nội dung

Ở lớp 2 chương trình sách giáo khoa mới Kết nối tri thức với cuộc sống học sinh được học các phép tính cộng, trừ, nhân, chia và một số bài toán có yếu tố hình học vì vậy các em được học giải toán đơn về cả các phép tính đó. Chương trình toán lớp 2 học sinh được học giải các bài toán đơn sau :

- Hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị.
- Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.

- Bài toán về thêm và bớt một số đơn vị.
- Tìm tích của 2 số.
- Chia thành các phần bằng nhau. Chia thành nhóm.
- Bước đầu làm quen giải toán có nội dung hình học (tính độ dài đường gấp khúc), các bài toán liên quan đến phép tính với các đơn vị đo đã học (cm, dm, m, km, l, kg...).

2.2. Yêu cầu

Việc dạy giải toán cần làm cho học sinh lớp 2 đạt yêu cầu về giải toán như sau:

- Đối với học sinh đại trà trong lớp học sinh biết giải toán đơn về cộng, trừ, nhân, chia và trình bày bài giải bằng một phép tính có kèm theo danh số hoặc đơn vị đo thích hợp.
- Đối với học sinh khá, giỏi học sinh biết giải toán kết hợp về cộng, trừ, nhân, chia và trình bày bài giải bằng nhiều phép tính có kèm theo danh số hoặc đơn vị đo thích hợp. Hay những bài toán ngược với những dạng bài đã học
- Hiểu được việc tóm tắt bài toán bằng sơ đồ, hình vẽ, bằng lời nhưng chưa yêu cầu học sinh biết tự tóm tắt bài toán.

2.3. Một số điểm cần chú ý về phương pháp giải toán

Trong sách Toán lớp 2 của bộ Kết nối tri thức với cuộc sống đa số các bài toán có lời văn đều kèm theo tranh minh họa. Nên khi dạy giải toán cần khai thác nội dung bài toán từ các hình ảnh tranh minh họa đó. Từ đó làm cho học sinh hiểu được cấu trúc của mỗi dạng toán để tìm được phép tính giải thích hợp. Chẳng hạn:

*** Dạng toán về "Hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị", chẳng hạn :**

Bài 4: (Toán 2 tập 1/ trang 17) : *Một trường học có 5 thùng đựng rác tái chế và 10 thùng đựng rác khác. Hỏi số thùng đựng rác khác hơn số thùng đựng rác tái chế mấy thùng?*

Cần làm cho học sinh hiểu phương pháp giải:

Bước đầu giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích đề bài sau đó tóm tắt đề bài. Hoặc dựa vào tranh minh họa của bài để khai thác cho học sinh tìm ra cách giải.

Để tìm số thùng đựng rác khác hơn số thùng đựng rác tái chế ta lấy số thùng đựng rác khác trừ đi số thùng đựng rác tái chế.

Lời giải chi tiết:

Số thùng đựng rác khác hơn số thùng đựng rác tái chế số thùng là:

$$10 - 5 = 5 \text{ (thùng)}$$

Đáp số: 5 thùng

*** Dạng toán về " Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị ", chẳng hạn**

Bài 2: (Toán 2 tập 1/ trang 51) : *Trên sân có 14 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con vịt?*

Cần làm cho học sinh hiểu phương pháp giải:

Bước đầu giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích đề bài sau đó tóm tắt đề bài.

Hướng dẫn phân tích giáo viên phải đưa ra một số câu hỏi dẫn dắt để học sinh nhận biết các điều kiện đã có và điều kiện cần phải giải quyết với hệ thống các câu hỏi như sau:

? Bài toán đã cho biết gì?

? Bài toán hỏi gì ? Bài toán yêu cầu tìm gì?

Hoặc: Trong bài toán đã cho em biết gì và cần tìm gì?...

Tóm tắt

Gà: 14 con

Vịt nhiều hơn gà: 5 con

Vịt: ... con?

Hướng dẫn học sinh xác định dạng toán và cách làm bài giải

Để tìm số con vịt có trên sân ta lấy số con gà cộng với phần hơn.

Bài giải

Số con vịt trên sân là:

$$\boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} = \boxed{?} \text{ (con)}$$

Đáp số: $\boxed{?}$ con.

Lời giải chi tiết:

Trên sân có số con vịt là:

$$14 + 5 = 19 \text{ (con)}$$

Đáp số: 19 con vịt.

Câu trả lời của học sinh linh hoạt giáo viên không áp đặt.

*** Dạng toán về "tìm tích", như bài toán:**

Bài 3: (Toán 2 tập 2/trang 8) : Từ hình vẽ giáo viên hướng dẫn học sinh đặt đề toán và giải

3



a) Mỗi hàng có 5 quả bóng.
Hỏi 3 hàng có tất cả bao nhiêu quả bóng?

Bài giải
Số quả bóng ở cả 3 hàng là:
 $\boxed{?} \times 3 = \boxed{?}$ (quả)
Đáp số: $\boxed{?}$ quả bóng.

* Nhận xét: $5 \times 3 = 3 \times 5$.



b) Mỗi cột có 3 quả bóng.
Hỏi 5 cột có tất cả bao nhiêu quả bóng?

Bài giải
Số quả bóng ở cả 5 cột là:
 $\boxed{?} \times 5 = \boxed{?}$ (quả)
Đáp số: $\boxed{?}$ quả bóng.

Đây là dạng bài mới nên giáo viên hướng dẫn chi tiết để học sinh nắm được cách trình bày cũng như lập được phép tính cho bài. Trước hết giáo viên cho học sinh quan sát tranh. Dùng câu hỏi gợi mở tư duy cho học sinh nắm được:

- Bài toán cho biết gì?
- Bài yêu cầu làm gì?
- Hướng dẫn học sinh làm bài:
 - a) Cho HS quan sát tranh. Đọc đề bài toán. Phân tích theo cột.
 - Nêu viết các số vào ô có dấu ? ở phép tính và đáp số của bài giải.
 - b) HS đọc đề bài toán.
 - HS quan sát tranh, phân tích theo từng hàng.
 - Nêu viết các số vào ô có dấu ? ở phép tính và đáp số của bài giải.

*** Dạng toán về "chia thành phần bằng nhau", "chia thành nhóm", như bài toán :**

Bài 3: (Toán 2 tập 2/ trang 25) : *Cửa hàng hoa có 40 bông hoa cúc. Cô bán hàng đã bó hoa cúc thành các bó, mỗi bó 5 bông. Hỏi có bao nhiêu bó hoa cúc?*

Đây là các bài toán cơ bản nhất trong các bài toán đơn giải bằng một bước tính nhân, chia. Các bài toán này thường là những bài toán ngược lẫn nhau. Để giúp các em giải được những bài toán này, cần làm cho các em nắm vững ý nghĩa của phép nhân và phép chia: phép nhân là phép cộng các số hạng bằng nhau; phép chia là phép tính ngược của phép nhân.

Bài giải

Có số bó hoa cúc là:

$$40 : 5 = 8 \text{ (bó)}$$

Đáp số: 8 bó

Khi dạy phần tính độ dài đường gấp khúc hoặc tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác, các bài toán dạng đó (bài toán có nội dung hình học) được trình bày bài giải như ở các bài toán có lời văn đã học, phép tính trung gian ứng với câu lời giải có thể có đến 2,3 dấu phép tính cộng, học sinh chỉ cần viết dãy phép tính và ghi ngay kết quả bên phải dấu "=", không phải ghi kết quả của phép tính trung gian. Chẳng hạn :

Bài 3: (Toán 2 tập 1/ trang 103) : *Tính độ dài đường gấp khúc ABCD*

$$AB = 5\text{cm}, BC = 4\text{cm}, CD = 4\text{cm},.$$

Bài giải:

Độ dài đường gấp khúc ABCD là :

$$5 + 4 + 4 = 13 \text{ (cm)}$$

Đáp số : 13 cm

Quy tắc chung hướng dẫn việc giải Toán :

Giải toán là một hoạt động trí tuệ khó khăn, phức tạp. Hình thành kỹ năng giải toán khó hơn nhiều so với hình thành kỹ năng tính, vì bài toán là sự kết hợp đa dạng nhiều khái niệm, nhiều quan hệ toán học. Giải toán không chỉ là nhớ mẫu giải rồi áp dụng, mà đòi hỏi nắm chắc khái niệm, quan hệ toán học, nắm

chắc ý nghĩa các phép tính, đòi hỏi khả năng độc lập suy luận của học sinh, đòi hỏi biết tính đúng.

Để giúp học sinh thực hiện hoạt động trên có kết quả, cần làm cho các em nắm được việc giải toán bao gồm 5 các bước sau :

Bước 1 : Tìm hiểu bài toán :

Đọc kĩ đề bài : trước hết cần đọc cẩn thận đề toán, suy nghĩ về ý nghĩa bài toán, nội dung bài toán đặc biệt chú ý đến câu hỏi của bài toán. Chớ vội tính toán khi chưa đọc kĩ đề toán.

Do đó, tôi đã yêu cầu học sinh cầm bút chì và thước gạch chân dưới những dữ kiện quan trọng của bài toán.

"Hãy gạch dưới một gạch những cái đã cho" ; "Hãy gạch hai gạch dưới những câu hỏi của bài toán". Như vậy tất cả học sinh cùng làm việc, học sinh nào không chịu làm việc giáo viên đã biết và nhắc nhở.

Bước 2 : Thiết lập mối liên hệ giữa các số đã cho của bài toán :

Tìm cách điền đạt nội dung bài toán bằng ngôn ngữ, kí hiệu ngắn gọn bằng cách ghi tóm tắt điều kiện của bài toán, hoặc minh họa điều kiện này bằng sơ đồ, hình vẽ dưới dạng cô đọng, ngắn gọn nhất.

Bước 3 : Lập kế hoạch giải toán :

Suy nghĩ để trả lời câu hỏi của bài toán cần biết gì, phải thực hiện phép tính gì từ các số đã cho và điều kiện của bài toán có thể biết gì, có thể làm tính gì, phép tính đó có giúp trả lời câu hỏi của bài toán không? Trên các cơ sở đó, suy nghĩ để thiết lập trình tự giải toán. Bước này giáo viên cần chú ý phối hợp nhiều phương pháp giải phù hợp với từng bài để học sinh lập kế hoạch giải đúng.

Bước 4 : Thực hiện kế hoạch giải toán :

Thực hiện các phép tính theo trình tự đã thiết lập để tìm đáp số. Mỗi khi thực hiện phép tính cần kiểm tra xem đã tính đúng chưa ? phép tính được thực hiện có dựa trên cơ sở đúng chưa?...

Giải xong bài toán, khi cần thiết, cần thử xem đáp số tìm được có trả lời đúng câu hỏi của bài toán, có phù hợp với các điều kiện của bài toán không? Trong một số trường hợp, nên thử xem có cách giải khác gọn, hay hơn không?

Bước 5 : Kiểm tra lại bài toán :

- Bước này về nguyên tắc không phải là bước bắt buộc với quy trình giải toán nhưng lại là bước không thể thiếu trong dạy học toán với các mục đích:

- Giải xong bài toán, khi cần thiết, cần thử xem đáp số tìm được có trả lời đúng câu hỏi của bài toán, có phù hợp với các điều kiện của bài toán không?
- Tìm cách giải khác và so sánh cách giải.
- Suy nghĩ khai thác thêm đề bài.

2. Các biện pháp thực hiện

2.1. Tạo động cơ học tập đúng đắn cho học sinh

Để giúp học sinh học tốt môn Toán thì trước hết học sinh cần có động cơ học tập đúng đắn. Động cơ học tập được hình thành từ những cảm xúc, nhu cầu học tập của học sinh. Học sinh có động lực học tập đúng đắn sẽ kích thích, thúc đẩy tính tích cực, tự giác chiếm lĩnh kiến thức. Đối với học sinh lớp 1, 2 thì động lực học tập không có sẵn. Đa số các em đều chưa ý thức được mục đích của việc học Toán vì thế trong quá trình học tập và rèn luyện, giáo viên là người dẫn dắt hình thành động lực học Toán cho các em.

Theo quan sát của mình, tôi thấy có 2 nguyên nhân khiến các em chưa có động lực học tập môn Toán: Một là các em thực sự không thấy môn Toán thú vị với mình hoặc không thấy ý nghĩa thực sự của việc học Toán ngoại trừ việc vượt qua các bài kiểm tra bắt buộc. Hai là, các em có mong muốn học, có thấy được giá trị, thấy được ý nghĩa của việc học Toán nhưng do mất gốc, không theo được chương trình nên các em tự ti, thiếu kiên trì. Đặc điểm chung của học sinh không có động lực học Toán là những học sinh học chưa tốt môn Toán.

Để tạo ra được động lực học Toán cho học sinh, trước hết tôi đã giúp học sinh thấy được ứng dụng quan trọng, hữu ích của Toán trong cuộc sống hàng ngày. Bởi vậy, ngay đầu năm học, tôi cho các em tìm hiểu mục lục sách giáo khoa Toán lớp 2. Sau đó, tôi giới thiệu về những nội dung chính trong chương trình Toán lớp 2 để kích thích sự tò mò, khám phá của các em.

Ví dụ: Tôi giới thiệu về ứng dụng kì diệu và ý nghĩa của phép tính cộng, trừ, nhân chia trong cuộc sống. Hoặc khi giới thiệu về phần hình học, tôi cho các em tìm những đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác mà các em biết. Hoạt động này giúp các em thấy Toán học thật gần gũi với cuộc sống. Tôi giới thiệu thêm: Ở lớp dưới, chúng mình đã biết nhận diện và gọi tên các hình đó. Chương trình Toán 2 sẽ giúp chúng mình khám phá thêm những đặc điểm thú vị của chúng. Những đặc điểm thú vị đó đang chờ chúng mình khám phá đấy. Qua những lời giới thiệu ấy, tôi thấy rõ sự tò mò, sự hào hứng hiện lên trong ánh mắt của các em.

Việc tạo động lực học tập cho học sinh không chỉ dừng lại ở đó mà trong mỗi tiết học Toán, tôi còn thiết kế thêm một số bài tập, tình huống liên quan đến thực tế. Ví dụ: Khi học “Bài 13: Bài Toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị (SGK Toán 2- KNTT trang 50) ở phần khởi động thay vì cho học sinh hát hay chơi 1 trò chơi vận động thì tôi tạo động lực học tập bằng cách cho học sinh xem 1 đoạn phim hoạt hình về 1 tình huống thực tế. Sau đó, tôi dẫn dắt học sinh vào bài mới bằng câu hỏi gợi mở: thế nào là nhiều hơn? Thế nào là ít hơn? Để giải các bài Toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị chúng ta sẽ làm như thế nào? Cô mời các em cùng tìm hiểu bài “Bài Toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị”.

Sau khi cho học sinh khám phá bài học mới bằng hình ảnh trực quan như bài học từ màn hình ti vi hay thiết bị dạy học có sẵn thì giáo viên củng cố kiến thức mới cho học sinh nắm chắc hơn ở phần hoạt động.

Bên cạnh đó, tôi thận trọng trong việc giao các nhiệm vụ học tập cho các em ở trên lớp và ở nhà để đảm bảo các em có đủ thời gian hoàn thành bài tập được giao (Chia các nhỏ các nhiệm vụ học tập để các em dễ dàng giải quyết).

Từ những việc làm cụ thể và tỉ mỉ đó, tôi đã giúp học sinh dần hình thành động cơ học tập đúng đắn. Các em đã tích cực, chủ động hơn trong việc chiếm lĩnh kiến thức. Đây không chỉ là 1 việc làm thiết thực để tạo hứng thú học Toán mà còn có giá trị gắn kết Toán học với cuộc sống và mang cuộc sống vào trong Toán học.

2.2. Trang bị những công thức, quy tắc, kỹ năng giải Toán

Đây là vấn đề vô cùng quan trọng trong việc truyền tải kiến thức cho học sinh, thay thế cho việc giáo viên áp đặt kiến thức cho học sinh buộc học sinh phải thuộc lòng những điều giáo viên thuyết trình (phương pháp dạy học truyền thống) bằng việc giáo viên là người dẫn dắt các em tự mình tìm tòi khám phá kiến thức mới (phương pháp dạy học tích cực). Trong quá trình giảng dạy giáo viên cần vận dụng triệt để biện pháp này vì học sinh muốn giải được các bài Toán thì cần phải được trang bị đầy đủ những kiến thức có liên quan đến việc giải Toán mà những kiến thức này chủ yếu được cung cấp qua các tiết lý thuyết. Do vậy dưới sự dẫn dắt của giáo viên, học sinh cần tìm ra được cách giải bài Toán và cần phải được chính xác hóa nhờ sự giúp đỡ của giáo viên. Qua quá trình tự tìm tòi, khám phá kiến thức mới dựa trên những cái đã biết giúp các em hiểu sâu hơn, nhớ lâu kiến thức ấy hơn nếu như tự mình tìm ra kiến thức ấy

2.3. Tổ chức cho học sinh ôn tập, củng cố kiến thức từng chương qua các trò chơi:

Trò chơi học tập là trò chơi gắn liền với các hoạt động học tập và nội dung bài học giúp học sinh khai thác kinh nghiệm vốn có của bản thân để chơi và để học. Trong quá trình chơi trò chơi các em sẽ bộc lộ nhiều cảm xúc rất rõ ràng như: niềm vui khi thắng và buồn bã khi thua; vui mừng khi đồng đội hoàn thành nhiệm vụ, bản thân cảm thấy có lỗi khi không làm tốt nhiệm vụ của mình. Vì tập thể mà cố gắng hết khả năng để mang lại chiến thắng cho tổ, nhóm của mình. Đây cũng chính là đặc tính thi đua rất cao của trò chơi học tập. Đặc biệt, đối với môn Toán thì trò chơi học tập càng có ý nghĩa quan trọng hơn trong việc tạo hứng thú học Toán cho học sinh nhất là đối với học sinh học Toán chưa tốt.

Hình thức ôn tập này, giúp các em ôn tập, củng cố kiến thức một cách nhẹ nhàng, hứng thú và hiệu quả. Thời gian qua, tôi đã tổ chức cho các em học Toán “ Vui – học, Học – vui” qua các trò chơi sau: Trò chơi “ Hái hoa dân chủ”, Trò chơi “ Chọn số”, Trò chơi “Xem ai nhớ nhất”, Trò chơi “ Mặt xanh mặt đỏ”, Trò

chơi “ Ai nhanh, ai đúng”... Học Toán qua các trò chơi, học sinh tham gia sôi nổi, hào hứng và có sự tiến bộ rõ rệt.

Bên cạnh đó, trong buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tháng (2 tuần/lần) giáo viên báo cáo tiến độ tiếp thu bài của những học sinh yếu cho Tổ và giáo viên trong tổ, từ đó giáo viên nào còn vướng mắc thì được tập thể giáo viên trong tổ góp ý bổ sung, chia sẻ cho nhau các biện pháp hay, hiệu quả.

2.4. Động viên, khích lệ học sinh kịp thời

Khen ngợi là một phần thưởng tinh thần to lớn đối với học sinh tiểu học. Đặc biệt đối với học sinh yếu thì lời khen giúp các em tạo động lực và cải thiện kết quả học tập. Hiện nay, cả giáo viên và phụ huynh đều đánh giá cao sự khích lệ, động viên học sinh của thông tư 27. Việc động viên, khích lệ học sinh kịp thời sẽ giúp học sinh tự tin, nhân cách của học sinh ngày càng được kiện toàn, hành vi tích cực sẽ được phát huy. Ngược lại, phê bình, trách mắng, chỉ trích làm cho lòng tự trọng của trẻ bị tổn thương.

Chính vì vậy hàng ngày thay vì trách phạt và chê bai học sinh tôi sẽ dành cho các em những lời khen ngợi trân thành khi các em có sự tiến bộ. Đối với những em học Toán chưa tốt, bài làm còn mắc lỗi, tôi gợi ý để các em tìm ra lỗi sai trong bài và sửa lại dưới sự dẫn dắt của cô giáo.

Ngoài nhận xét bằng lời, tôi dùng cử chỉ, ánh mắt, nụ cười hay những cái xoa đầu để khích lệ các em. Những em nào tiến bộ tôi có thể thưởng bông hoa, sticker hay thư khen cuối tuần. Khi các em được nhận những lời khen, thư khen của cô các em cảm thấy rất vui và hạnh phúc.

*** Một số ví dụ minh họa :**

Trong phạm vi bài viết này tôi đưa ra ví dụ minh họa bằng dạng toán "nhiều hơn", "ít hơn" và biện pháp hướng dẫn giải một số bài toán nâng cao dành cho học sinh khá giỏi có liên quan đến dạng toán "nhiều hơn", "ít hơn".

Với việc sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tôi sẽ hướng dẫn học sinh trên ti vi qua sự chuẩn bị bằng giáo án điện tử để thu hút sự tập trung của học sinh. Ví dụ dạy các dạng:

Dạy bài toán về "nhiều hơn" một số đơn vị.

Bài toán: *Có 6 bông hoa màu đỏ, số bông hoa màu vàng nhiều hơn số bông hoa màu đỏ là 3 bông. Hỏi có bao nhiêu bông hoa màu vàng ?*

Bước 1 : Tìm hiểu bài toán :

- Học sinh đọc bài toán
- Giáo viên lần lượt chiếu **6 bông hoa** màu đỏ trên ti vi (hình ảnh)
- Gợi ý để học sinh diễn tả lại đề toán:

+ Có **6 bông hoa** màu đỏ (Giáo viên chiếu **6 bông hoa** màu đỏ).

+ *Số bông hoa màu vàng nhiều hơn số bông hoa màu đỏ là 3 bông.* Cho các em hoạt động với vật thật, với mô hình để hiểu "nhiều hơn" có nghĩa là "bằng ấy

ngoài ra còn thêm". Tức là đã có bằng số hoa màu đỏ rồi nhưng nhiều thêm **3 bông hoa màu vàng nữa**. (Giáo viên chiếu tiếp **3 bông hoa màu vàng** vào bên phải).

- Giáo viên cho học sinh nhắc lại bài toán: Có **6 bông hoa** màu đỏ (Giáo viên chỉ hình **6 bông hoa** màu đỏ), *Số bông hoa màu vàng nhiều hơn số bông hoa màu đỏ là 3 bông* (Giáo viên chỉ **3 bông hoa** màu vàng ở bên phải theo hình vẽ). **Hỏi có bao nhiêu bông hoa màu vàng ?** (Giáo viên viết dấu ? vào hàng dưới).

- Bài toán cho biết gì ? (Có **6 bông hoa** màu đỏ, *Số bông hoa màu vàng nhiều hơn số bông hoa màu đỏ là 3 bông*)

- Bài toán hỏi gì ? (**Hỏi có bao nhiêu bông hoa màu vàng ?**)

- Bài thuộc dạng toán nào đã học? (Bài toán về nhiều hơn một số đơn vị)

Bước 2 : Thiết lập mối quan hệ giữa các số đã cho của bài toán.

- Hướng dẫn học sinh tóm tắt : Có thể bằng 2 cách

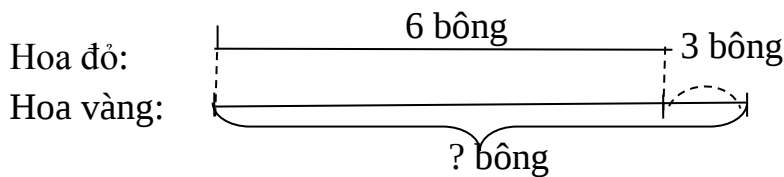
Cách 1. Tóm tắt bằng lời

Hoa đỏ: 6 bông

Hoa vàng nhiều hơn hoa đỏ: 3 bông

Hoa vàng:.....bông ?

Cách 2. Bằng sơ đồ đoạn thẳng(Cách này thuận tiện và giúp học sinh nắm được cách làm nhanh hơn)



Bước 3 : Lập kế hoạch giải toán.

Suy nghĩ để tìm ra cách trả lời câu hỏi của bài toán cần biết gì ? Có thể sử dụng phép tính gì? Trên cơ sở đó lập kế hoạch giải toán.

Giáo viên hỏi :

- Dựa vào câu hỏi bài toán, bạn nào có thể nêu câu trả lời đúng ?(**Có số bông hoa màu vàng là .**)

- Vậy muốn tìm số bông hoa màu vàng ta làm thế nào ?(lấy $6 + 3$)

Lưu ý:

Đây mới là bài toán đầu nên giáo viên không nóng vội và làm thay hay áp đặt cách giải, mà hướng dẫn để học sinh từng bước tự tìm ra cách giải bài toán.

- Có thể cho học sinh nêu bằng cách đặt câu hỏi: Con tìm số hoa vàng bằng cách nào?

Hoa vàng = Hoa đỏ + phần hơn

Bước 4 : Thực hiện kế hoạch giải.

Khi học sinh mới học, có thể hỏi lại từng câu để học sinh tìm cách giải và trình bày bài toán. Khi học sinh đã quen, có thể để các em tự trình bày bài giải.

Bài giải***Có số bông hoa màu vàng là .:***

$$6 + 3 = 9 \text{ (bông)}$$

Đáp số : 7 bông

Bước này chú ý trình bày đẹp, viết đúng đáp số và danh số kèm theo.

Từ cách hướng dẫn học sinh giải theo cách trên, học sinh đã nắm chắc được các bước giải và trình tự giải bài toán để học sinh tiến hành việc học và giải bài toán tiếp theo phức tạp hơn một cách dễ dàng.

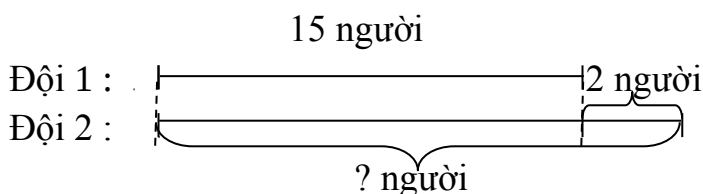
Bước 5 : Kiểm tra lại bài toán :

Kiểm tra lại chính tả, cách trình bày, kết quả phép tính, đáp số. Trong bài này không cần thử lại đáp số, vì hai cách giải khác nhau cùng dẫn tới một đáp số, như vậy đáp số này có nhiều khả năng là đáp số đúng.

Học sinh vận dụng cách giải bài toán về nhiều hơn để giải các bài toán cùng dạng trong chương trình. Song mỗi bài toán được đưa ra với dữ kiện khác nhau và lời văn khác nhau. thuật ngữ về "nhiều hơn" được ẩn sau một số từ : "**cao hơn**", "**lớn hơn**", "**đông hơn**", "**dài hơn**", "**nhẹ hơn**", "**nặng hơn**", "**hơn**". Đề toán có lời văn thực chất là những bài toán có nội dung thực tế. Do vậy câu và từ thường gần gũi với học sinh. Khi phân tích đề, tôi thường chú ý giúp học sinh hiểu chắc các thuật ngữ, ý nghĩa của từng từ đó trong bài toán để học sinh không lúng túng khi giải bài.

* Mức độ sau bài toán về nhiều hơn cũng được nâng dần vào các tiết học tiếp theo như bài toán dạng giải toán theo tóm tắt bằng lời và bằng sơ đồ hình vẽ. Chẳng hạn :

Yêu cầu: Giải bài toán theo tóm tắt sau



- Để HS hiểu được nội dung bài toán GV cần gợi mở từng bước như sau:

Bước 1 : Tìm hiểu bài toán(Tương tự như phần 1)

Bước 2 : Thiết lập mối quan hệ giữa các số đã cho của bài toán

- Giáo viên gợi ý cho học sinh :

+ Số người của đội 1 là số bé thì số người của đội 2 là số lớn.

+ Học sinh chỉ phần hơn của bài toán 2 người.

+ Bài toán yêu cầu chúng ta tìm số lớn hay số bé ? (số lớn

Bước 3 : Lập kế hoạch giải toán.

+ Để trả lời cho câu hỏi của bài toán ta phải làm phép tính gì ? (phép tính cộng)

+ Lấy bao nhiêu cộng với bao nhiêu ? (15 + 2)

Bước 4 : Thực hiện kế hoạch giải toán.

+ Yêu cầu học sinh làm và chữa bài (Lưu ý học sinh trung bình và yếu)

Bước 5 : Kiểm tra lại bài toán.

Kiểm tra lại chính tả, cách trình bày, đáp số và danh số của bài toán đã đúng chưa.

 **Dạy bài toán về "ít hơn" một số đơn vị.**

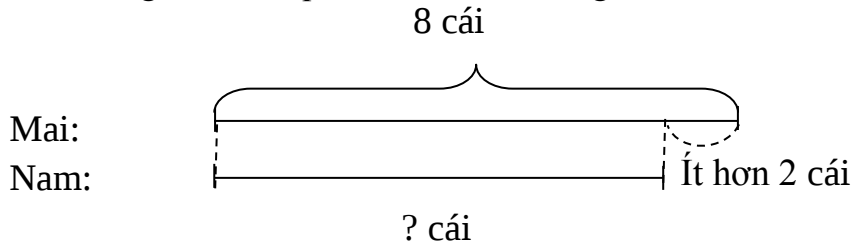
Bài toán: *Mai gấp được 8 cái thuyền, Nam gấp được ít hơn Mai 2 cái.*

Hỏi Nam gấp được mấy cái thuyền?

Sau phần giới thiệu bài toán về " nhiều hơn" vào bài 13 chương trình Toán 2 mới bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, bài toán về " ít hơn" được giới thiệu vào tiết 2, lúc này HS đã được thực hành tốt bài toán về " nhiều hơn" qua tiết học trước.

Phương pháp và các bước giải tương tự bài toán về nhiều hơn . Giáo viên cũng cần lưu ý một số từ giúp HS hiểu như : "**thấp hơn**", " **nhẹ hơn**", " **kém hơn**" được hiểu như là "**ít hơn**"

- Giáo viên giới thiệu qua sơ đồ đoạn thẳng:



Bài giải

Nam gấp được số cái thuyền là:

$$8 - 2 = 6 \text{ (cái)}$$

Đáp số : 5 cái

Sau phần thực hành giải các bài toán theo 2 dạng "nhiều hơn một số đơn vị" và "ít hơn một số đơn vị ". Giáo viên có thể tóm tắt cách giải từng loại bài toán về nhiều hơn, ít hơn như sau

Bài toán nhiều hơn	Bài toán ít hơn
- Biết số bé. - Biết phần “nhiều hơn” của số lớn so với số bé. - Tìm số lớn: Số lớn = số bé + phần “nhiều hơn”.	- Biết số lớn. - Biết phần “ ít hơn” của số bé so với số lớn. - Tìm số bé: Số bé = Số lớn - phần ít hơn.

*** Lưu ý:** + Với bài toán "nhiều hơn một số đơn vị", “ít hơn một số đơn vị” giáo viên nên hướng dẫn học sinh dùng sơ đồ đoạn thẳng để biểu thị trực quan khái niệm “**nhiều hơn**”, “**ít hơn**”. Từ sơ đồ học sinh dễ dàng nhận ra bài toán thuộc dạng gì ?. Tránh nhầm lẫn với bài toán ngược (Toán mở rộng).

Chẳng hạn : *Mai gấp được 8 cái thuyền, Mai gấp được ít hơn Nam 2 cái. Hỏi Nam gấp được mấy cái thuyền?*

+ Bài toán về “nhiều hơn” và “ít hơn” được vận dụng trong cả chương trình ôn tập và luyện tập xuyên suốt chương trình Toán 2 Kết Nối tri thức với cuộc sống, song dưới nhiều mức độ và hình thức khác nhau nhằm nâng cao kỹ năng giải đúng cho học sinh và giúp học sinh phân biệt được cách giải bài toán về “nhiều hơn” và “ít hơn” tránh nhầm với dạng về “sự chênh lệch”:

Ví dụ:

Bài 1: Năm nay anh 16 tuổi, em kém anh 5 tuổi. Hỏi năm nay em bao nhiêu tuổi?

————> Bài toán về **nhiều hơn một số đơn vị**

Bài 2: Năm nay anh 16 tuổi, anh hơn em 5 tuổi. Hỏi năm nay em bao nhiêu tuổi?

————> Bài toán về **ít hơn một số đơn vị**

Bài 3: Năm nay anh 16 tuổi, em 11 tuổi. Hỏi năm nay anh hơn em bao nhiêu tuổi?

————> Bài toán về **sự chênh lệch**

Như chúng ta biết trong dạy học, ở mỗi tiết học giáo viên phải chấp nhận có học sinh làm được nhiều bài tập hơn học sinh khác. Vì vậy trong mỗi tiết luyện tập tôi thường có kế hoạch giúp học sinh hoàn thành bài ngay trên lớp và đặc biệt là những học sinh làm bài chậm, chưa hiểu cách giải bằng cách gợi mở từ từ, dẫn dắt học sinh nhớ được dạng toán đã học. Đối với học sinh khá giỏi tôi động viên và tổ chức thi đua cho học sinh làm được nhiều bài, đặc biệt chú ý giúp học sinh khai thác các nội dung tiềm ẩn trong các bài tập.

* Vậy qua phân thực hành giải bài toán “nhiều hơn”, bài toán “ít hơn”. Tôi thấy để học sinh giải tốt được 2 dạng toán này giáo viên cần chú ý hai việc làm cơ bản là:

+ Hướng dẫn và rèn cho học sinh có kỹ năng phân tích đề đúng, nhận diện đúng dạng toán để tiến tới tóm tắt theo sơ đồ và giải đúng bài toán. Vì số lượng bài toán yêu cầu học sinh giải theo tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng chiếm khá nhiều trong các giờ luyện tập thực hành.

+ Tổ chức cho HS làm các bài tập theo thứ tự đã sắp xếp trong SGK, không tự ý lướt qua hoặc bỏ qua bài tập nào, kể cả các bài tập học sinh cho là dễ.

3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

Qua thời gian thực hiện nghiên cứu, áp dụng đề tài “*Một số biện pháp rèn kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2 theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*” như trên cùng với sự kết hợp của phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, tôi thấy được một số kết quả sau :

Sĩ số	Trình độ học sinh	Số lượng
31	Có hứng thú với môn Toán, tiếp thu bài nhanh	23
	Có nhiều lỗ hổng về kiến thức và kỹ năng.	3
	Phương pháp học tập chưa tốt.	3
	Năng lực tư duy yếu.	2
	Có thái độ thờ ơ đối với học tập, ngại cố gắng, thiếu tự tin.	0

Sau khi thực hiện đề tài đến tháng cuối tháng 3 tôi lại ra một đề bài cho học sinh kiểm tra khảo sát kết quả thực hiện kết quả thu được khá khả quan:

Tên lớp	Sĩ số	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
2A2	31	20	64,5%	11	35,5%	0	0 %

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học

- Học sinh lớp tôi đến thời gian này đã có nề nếp học môn toán. Các em đã tạo cho mình một nếp học, nếp làm việc cá nhân một cách độc lập, tự giác, tạo cho các em tính tò mò, lòng ham hiểu biết.

- Trong các tiết học toán, học sinh đã thấy hào hứng hơn khi giải toán nhất là các bài toán có lời văn.

- Các em nắm được cách giải một bài toán và trình bày bài một cách rõ ràng, khoa học, sạch đẹp.

- Các em phân biệt được các dạng toán trong chương trình và thấy tự tin hơn khi diễn đạt cách giải bài toán có lời văn.

4.2. Hiệu quả về kinh tế

Sáng kiến có thể được mở rộng áp dụng không chỉ trong các lớp 2 mà còn trong cả bậc Tiểu học, từ đó tăng cường khả năng tiếp cận và hiệu quả giáo dục trên diện rộng.

Những lợi ích này không chỉ thể hiện giá trị kinh tế trực tiếp thông qua việc cải thiện chất lượng giáo dục mà còn gián tiếp qua việc nâng cao hình ảnh và uy tín của nhà trường, thu hút sự tham gia của nhiều phụ huynh và học sinh hơn.

4.3. Hiệu quả về xã hội

Tôi nhận thấy lớp tôi có sự tiến bộ rõ rệt, chất lượng học tập ngày càng nâng cao. Trong năm học 2023-2024 lớp tôi có 17 học sinh tham gia **Đấu trường Toán học Vioedu**. Với việc áp dụng sáng kiến vào trong giảng dạy các em đều tiến bộ và thực hiện làm bài rất nhanh. Kết quả đạt được trong kì thi Vioedu cấp huyện em **Đỗ Thế Dũng đã đạt giải khuyến khích**. Những kết quả học tập tốt từ các em như niềm động viên tôi say mê chuyên môn và vững tin vào các phương pháp giảng dạy của mình.

5. Tính khả thi

Tính khả thi của sáng kiến khi được áp dụng:

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị các trường tiểu học cần có trang thiết bị cần thiết như máy tính, máy chiếu, và kết nối Internet ổn định để có thể áp dụng sáng kiến này một cách hiệu quả. Nếu trường đã được trang bị đầy đủ những thiết bị này, sáng kiến có khả năng áp dụng cao.

- Giáo viên phải đi sâu nghiên cứu bài trước khi lên lớp, chọn lọc hệ thống câu hỏi, tìm hiểu phân tích đề để tóm tắt bài toán một cách ngắn gọn dễ hiểu nhất, chính xác nhất thì học sinh dễ dàng lập được kế hoạch giải đúng.

- Mỗi bài toán, mỗi tóm tắt của giáo viên bằng lời, sơ đồ hay vật mẫu trên bảng phải thật chính xác, khoa học. Sử dụng đồ dùng học tập thường xuyên, kết hợp nhiều phương pháp dạy học.

- Hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra học sinh các bảng cộng, trừ, nhân, chia.

- Cần tiến hành kiểm tra chất lượng phân loại học sinh thành các đối tượng ngay từ đầu năm để có phương pháp dạy học cho phù hợp.

+ Đối với học sinh khá, giỏi: có hướng dẫn thêm các bài toán nâng cao, có các cách giải khác nhau để tìm ra cách giải hay nhất.

+ Đối với học sinh đại trà : nắm rõ khả năng từng em học yếu do nguyên nhân nào.

Ví dụ:

- Chưa biết đọc, đọc còn ấp úng nên phân tích đề còn kém.

- Chưa thuộc bảng cộng, trừ, nhân, chia hay khả năng tính toán chậm

- Chưa viết thạo nên chưa biết cách trình bày.

- Từ đó giáo viên có phương pháp dạy học cho thích hợp.

- Thường xuyên liên lạc giữa gia đình và nhà trường để nắm bắt việc học tập của các em.

Nếu những điều kiện này được đáp ứng, sáng kiến có khả năng cao được áp dụng thành công và lan tỏa trong ngành.

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến

Thời gian thực hiện sáng kiến áp dụng vào giảng dạy tại trường tiểu học được thực hiện trong năm học 2023-2024. Dự án này được triển khai liên tục và có thể được áp dụng cho các năm học tiếp theo, tùy theo đánh giá hiệu quả và sự điều chỉnh cần thiết dựa trên kết quả và phản hồi.

- Giai đoạn chuẩn bị (trước năm học 2023-2024): Sự chuẩn bị của giáo viên, chuẩn bị tài liệu và trang thiết bị cần thiết.

- Giai đoạn triển khai (năm học 2023-2024): Áp dụng vào quá trình giảng dạy, thu thập phản hồi từ giáo viên và học sinh để đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kịp thời.

- Giai đoạn đánh giá và mở rộng (cuối năm học 2023-2024 và về sau): Đánh giá toàn diện hiệu quả của sáng kiến, xác định những điều chỉnh cần thiết, và mở rộng áp dụng vào các lớp, các khóa học khác tại trường hoặc trong khu vực.

7. Kinh phí thực hiện đề tài sáng kiến:

- Kinh phí không tốn kém, đa số là tìm tư liệu ở thư viện và mạng internet

PHẦN III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị :

Những kết quả thu được sau quá trình nghiên cứu và thực hiện đã giúp tôi có được niềm tin vào năng lực nghiên cứu bước đầu của mình. Bên cạnh đó tôi xin có một số kiến nghị sau:

- Giáo viên cần linh hoạt khi áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng các bài tập hợp lý với từng đối tượng học sinh của mình.
- Kỹ năng giải toán còn được rèn luyện thường xuyên, liên tục và được kết hợp rèn luyện ở các môn học khác và trong giao tiếp hàng ngày.
- Hiệu quả của tiết học giải bài toán phụ thuộc rất nhiều vào tinh thần, năng lực sư phạm của mỗi giáo viên và thái độ học tập của mỗi học sinh. Vì vậy đòi hỏi ở mỗi giáo viên lòng nhiệt tình và thái độ học tập không ngừng.

2. Đề xuất:

Trong quá trình nghiên cứu mặc dù năm học 2023 – 2024 có khó khăn nhưng tôi đã nhận thấy để học sinh say mê với môn toán nói chung và thực hiện phần giải toán nói riêng thì trong quá trình dạy giải toán người giáo viên phải làm tốt những việc làm sau:

- Giáo viên cần đổi mới cách soạn bài, biết cách hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa và đồ dùng học tập, biết cách tổ chức hướng dẫn cho học sinh hoạt động sẽ tạo ra không khí thoải mái, không căng thẳng trong giờ học.
- Mỗi dạng toán cần hướng dẫn học sinh nhận dạng bằng nhiều cách đọc, nghiên cứu đề, phân tích bài toán bằng nhiều phương pháp (Mô hình, sơ đồ, đoạn thẳng, suy luận) để học sinh dễ hiểu, dễ nắm bài hơn. (Không nên dừng lại ở kết quả ban đầu).
- Khi dạy giải bài toán cần để học sinh học sinh tự phát hiện chiếm lĩnh kiến thức một cách tự nhiên nhờ chính hoạt động của mình; học sinh nào cũng được tham gia và có thể thực hiện được từ đó tạo ra tính tự tin trong học tập; giáo viên có điều kiện phát hiện, hướng dẫn cho từng đối tượng học sinh, rèn luyện phương pháp tự học cho học sinh, hướng dẫn học tập cá nhân phối hợp với học tập hợp tác, rèn khả năng tự đánh giá của trò theo đúng tinh thần TT27.
- Phải biết kết hợp hài hoà giữa đồ dùng dạy học truyền thống và đồ dùng dạy học hiện đại trong tiết dạy.

Từ những suy nghĩ trên, tôi nhận thấy việc giảng dạy của mỗi giáo viên chúng ta là cả một quá trình từ rèn luyện. Để có giờ dạy đạt hiệu quả cao về chất lượng, học sinh có hứng thú với môn học thì người giáo viên phải suy nghĩ, tìm tòi, nghiên cứu kĩ bài dạy. Bài giảng của thầy phải thực sự thu hút học sinh thì các em sẽ lĩnh hội kiến thức một cách tốt nhất. Nhìn vào bảng số liệu trước và sau khi thực hiện đề tài tôi thấy khá hài lòng, từ đó tôi say mê hơn với nghề.

Trên đây là một số kinh nghiệm rút ra từ thực tế giảng dạy phần giải toán của bản thân tôi. Nhưng với xu thế phát triển của giáo dục ngày nay, trong quá trình dạy học bản thân tôi còn phải cố gắng nhiều trong giảng dạy để theo kịp với xu thế mới của giáo dục Việt Nam. Tôi rất mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của hội đồng khoa học, của bạn bè, của đồng nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tôi xin cam đoan đây là Sáng kiến kinh nghiệm của tôi viết, không sao chép nội dung của người khác.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

Ba Vì, ngày 01 tháng 05 năm 2024

Người viết

Nguyễn Minh Phụng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương pháp dạy học môn toán ở Tiểu học - NXB ĐHSP 2000
2. Phương pháp dạy các môn học ở lớp 2 (tập 1 + tập 2 - NXBGD 2007)
3. Sách Toán 2 Kết nối tri thức với cuộc sống - NXBGD Việt Nam
4. Vở bài tập toán phát triển năng lực 2 (tập 1 + tập 2)
5. Sách giáo viên Toán 2 năm 2004 (NXBGD)
6. Giúp em giỏi toán 2 - Trần Ngọc Lan - NXBGD - 2002
7. Cùng em học toán 2 (Mai Bá Bắc - Lê Văn Thắng - Trần Văn Hà - Phạm Thị Phúc - NXBHN)
8. Ôn tập và kiểm tra toán 2 - Phạm Đình Thực - NXB TPHCM
9. Tuyển chọn những bài toán hay - Th.s Nguyễn Thị Dung - NXB HP
10. Tạp chí giáo dục và một số tài liệu tham khảo khác.

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài	3
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
PHẦN II: NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN	4
1. Hiện trạng dạy và học toán ở lớp 2	4
2. Các biện pháp thực hiện	10
3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị.....	16
4. Hiệu quả của sáng kiến.....	17
5. Tính khả thi.....	18
6 Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến	18
7. Kinh phí thực hiện đề tài sáng kiến.....	19
PHẦN III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	19
I. Kiến nghị.....	19
II. Đề xuất.....	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	21



4> Một con cua có 2 cái càng.
a, 5 con cua có bao nhiêu cái càng?

Bài Giải

5 con cua có số cái càng là:

$$2 \times 5 = 10 \text{ (cái càng)}$$

Đáp số 10 cái càng.

b, 7 con cua có bao nhiêu cái càng?

Bài Giải

7 con cua có số cái càng là:

$$2 \times 7 = 14 \text{ (cái càng)}$$

Đáp số 14 cái càng.



3>

Cóm tất

Buổi sáng: 250 kg gạo

Buổi chiều: 175 kg gạo

Cả hai buổi: ... kg gạo?

Bài Giải

Cả hai buổi của hàng đó bán được số ki-
lô - gam là: $250 + 175 = 425 \text{ (kg)}$

Đáp số 425 kg gạo.

Cóm tắt

5 bông : 1 bó

40 bông : ... bó ?

Bài giải

Có số bó hoa cúc là:

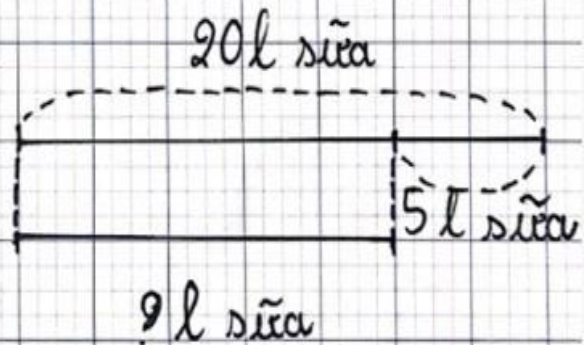
$$40 : 5 = 8 \text{ (bó hoa cúc)}$$

Đáp số: 8 bó hoa cúc

Bài 4: Sơ đồ

Bò nhà bác An

Bò nhà bác Bình



Bài làm

Mỗi ngày, con bò sữa nhà bác Bình cho
số lít sữa là: $20 - 5 = 15 \text{ (l)}$

Đáp số: 15 l sữa.

Bài 4 : Bài làm

a, Cao Bằng và Vinh, Vinh xa Hà Nội hơn

b, Quảng đường Hà Nội - Đà Nẵng (qua Vinh)
dài là : $308 + 463 = 771$ (km)

c, Quảng đường Đà Nẵng - Thành phố Hồ Chí Minh dài hơn Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ dài là

$$858 - 174 = 684 \text{ (km)}$$

Đáp số : b, 771 km

c, 684 km

Bài 4 : Bài làm

a, Cao Bằng và Vinh, Vinh xa Hà Nội hơn

b, Quảng đường Hà Nội - Đà Nẵng (qua Vinh)
dài là : $308 + 463 = 771$ (km)

c, Quảng đường Đà Nẵng - Thành phố Hồ Chí Minh dài hơn Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ dài là

$$858 - 174 = 684 \text{ (km)}$$

Đáp số : b, 771 km

c, 684 km